



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO # : 06

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN LIEN DO
Last Middle First

Current Address: 135 Hà Thanh - P. Van Thang - Nha Trang - Khanh Hoa

Date of Birth: 10-19-1938 Place of Birth: Khanh Hoa

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 01-14-75 To 08-29-1977
Years: 02 Months: 07 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi : **BÀ KHƯỚC MINH THO**
CHỦ TỊCH HỘI GIA ĐÌNH
TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
tại HOA KỲ.

Kính thưa Bà,

Sáng Chủ nhật 11-8-1991, Đài VOA trong mục sinh hoạt Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ có phát đi tiếng nói của Bà trong buổi họp mặt "đồng tâm" của các cựu tù nhân chính trị Việt Nam. Theo dõi từ đầu đến cuối cuộc họp mặt trên, tôi được biết hiện nay Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam đã can thiệp với Chính phủ Hoa Kỳ cho những tù nhân cải tạo tù 2 năm rưỡi được định cư tại Hoa Kỳ với điều kiện được Chính phủ Việt Nam cho xuất cảnh.

Trường hợp của tôi là một sĩ quan Quân lực VNCH có 17 năm quân vụ và nhiều huy chương trong Quân lực VNCH, nhưng thời gian cải tạo của tôi chỉ có 2 năm 7 tháng 15 ngày là vì: trong lúc bị địch bắt làm tù binh, tôi không khai báo đầy đủ công việc làm của tôi trong Quân đội VNCH.

Ngoài ra, vợ tôi là TRẦN THỊ MINH còn là nhân viên của ARMY AND AIR FORCE EXCHANGE SERVICE của Quân đội Hoa kỳ tại Việt Nam.

Tôi đã được Chính phủ Việt Nam cấp hộ chiếu cho cả gia đình xuất cảnh sang định cư tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ theo diện H.O (H.O 6). Nhưng vì thời gian cải tạo chưa đủ 3 năm nên chưa được Chính phủ Hoa Kỳ gọi phỏng vấn như các cựu tù nhân cải tạo trên 3 năm cùng HO 6 với tôi.

Sau đây là Lý lịch của tôi :

Họ và tên : **Nguyễn LIÊN ĐO**
Sinh ngày : **19-10-1938**
Cấp bậc a **Đại úy pháo binh**
Số quân :: **58/101368**
Chức vụ : **Trưởng ban 3 (ban hành quân)**
Đơn vị cuối cùng : **Tiểu đoàn 103 Pháo binh cơ động**
 175 ly tại Pleiku (KBC : 6183.)

Tôi bị bắt làm tù binh trong trận phục kích của Việt cộng ngày 14-1-1975 tại Pleiku.

- Ngày 20-4-1975 : chuyển đến Tổng trại 6 thuộc QK5.
- Ngày 10-5-1976 : chuyển đến Tổng trại 5 thuộc QK5.
- Ngày 29-8-1977 : Tôi được phỏng vấn do QP số 134/QĐ-PT ngày 30-7-1977 của Cục chính trị QK5 và Giấy xác nhận số 866/PA.27 ngày 20-8-1991 của ban chỉ huy phân viện Công an tỉnh Khánh hòa.

Nay tôi kính gửi thư này đến Hội gia đình tù nhân chính trị Việt nam mà Bà là Chủ tịch xin can thiệp với Chính phủ Hoa kỳ cho gia đình tôi được dự cuộc phỏng vấn sắp tới để định cư tại Hoa kỳ theo chương trình HO.

Kính xin Bà Chủ tịch nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của gia đình tôi.

Kính thư,


Nguyễn LIÊN ĐO (HO.6)

/)/hatrang, ngày 29 tháng 8 năm 1991

--oOo--

// lính gọi:

Ông GIÁM ĐỐC
CHƯƠNG TRÌNH O.D.P và H.O

BANGKOK - THAI LAN

Thưa Ông Giám đốc,

Tôi tên: NGUYỄN LIÊN ĐỒ, sinh ngày 19-10-1938,
tại tỉnh Khánh Hòa.

Trân trọng thỉnh cầu Ông Giám đốc vui lòng cứu xét
cho trường hợp của tôi là một sĩ quan Quân đội VNCH
như sau:

- Cấp bậc : Đại úy Pháo binh
- Số quân : 58/101368
- Chức vụ : Trưởng ban 3 (Ban Hành quân)
- Đơn vị cuối cùng: Tiểu đoàn 103 Pháo binh cơ
động 175 ly tại Pleiku
KPC : 6183.

Tôi bị bắt làm tù binh trong trận phục kích của
Việt cộng ngày 14-01-1975 tại Pleiku.

- Ngày 20-4-1975 : chuyển đến Tổng trại 6 thuộc
QK 5.
- Ngày 10-5-1976 : chuyển đến Tổng trại 5 thuộc
QK 5.
- Ngày 29-8-1977 : tôi được phóng thích do QĐ số
134/QĐ.PT ngày 30/7/1977 của
Cục chính trị QK 5 và Giấy
Xác nhận số 866/PA.27 ngày
20/8/1991 của Ban chỉ huy Phản
gián Công an tỉnh Khánh hòa.

- Tổng cộng thời gian bị địch bắt làm tù binh
và cải tạo là: 2 năm 7 tháng 15 ngày.

Tôi đã được chính phủ Việt nam cấp hộ chiếu cho cả
gia đình xuất cảnh sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO
(H.O 6).

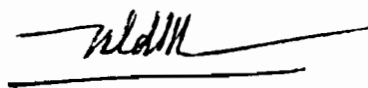
Thưa Ông Giám đốc, là một sĩ quan đã có 17 ^{năm} quân vụ
và nhiều huy chương trong quân lực VNCH, nhưng thời gian
cải tạo của tôi chỉ có 2 năm 7 tháng 15 ngày là vì :
trong lúc bị địch bắt tôi không khai báo đầy đủ công việc
làm của tôi trong Quân đội VNCH.

Ngoài ra, vợ tôi là TRẦN THỊ MINH còn là nhân viên
của ARMY AND AIR FORCE EXCHANGE SERVICE của Quân đội
Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Nay tôi kính đơn này thỉnh cầu Ông Giám đốc xét cho
gia đình tôi được dự cuộc phỏng vấn sắp tới mà gia đình
tôi chờ đợi bấy lâu.

Gia đình tôi xin chân thành đa tạ Ông Giám đốc.

Kính đơn,



NGUYỄN LIÊN ĐỒ (H.06)

((/)) QUÁ TRÌNH PHỤC VỤ TRONG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

- Ngày 12-6-1959 : Tốt nghiệp Sĩ quan Thủ đức khóa 7 .
- Từ 1959-1961 : Chuẩn úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 34 Pháo binh 155 ly đầu tiên của Quân đội Pháo chuyên giao cho Quân đội VNCH.
- Từ 1961-1963 : Chuẩn úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 9 súng cối 106 ly Tân lập đầu tiên đóng tại Qui nhơn.
- Từ 1963-1965 : Thiếu úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 35 pháo binh 155 ly đóng tại Biên hòa.
- Từ 1965-1971 : Trung úy và Đại úy, phục vụ tại trường pháo binh QLVNCH, KBC : 4883 Dục mỹ.
- Từ 1971-1973 : Đại úy, Chỉ huy trưởng pháo binh 105 ly tại Tiểu khu Ninh thuận, KBC : 7488.
- Từ 1973-1975 : Đại úy , Trưởng ban 3 (ban hành quân) thuộc Tiểu đoàn 103 pháo binh cơ động 175 ly tại Pleiku (KBC : 6183).
- Từ 14-1-1975 đến 29-8-1977 : Bị Việt cộng bắt làm tù binh trong trận phục kích tại Pleiku.

// HÀNH TÍCH TRONG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

A. HUY CHƯƠNG :

- 02 Anh dũng bội tinh ngôi sao Vàng.
- 01 Anh dũng bội tinh ngôi sao bạc.
- 03 Anh dũng bội tinh ngôi sao đồng.
- 01 Chiến dịch bội tinh
- 01 Quân vụ bội tinh
- 01 Huấn vụ bội tinh
- 01 Quân phong bội tinh
- 01 Danh dự bội tinh
- 02 Bằng Tưởng lục cấp quân đoàn
- 01 Bằng Tưởng lục cấp Sư đoàn
- 01 Giấy khen cấp Quân đoàn
- 01 Giấy khen cấp Sư đoàn
- 03 Giấy khen cấp Lữ đoàn và Trung đoàn

B. BẰNG CẤP :

- Bằng Tốt nghiệp Sĩ quan bộ binh và bằng căn bản Sĩ quan pháo binh.
- Bằng Tốt nghiệp Pháo đội trưởng.
- Bằng Tốt nghiệp Pháo binh cao cấp.

ĐẠI ÚY NGUYỄN LIÊN ĐO

(H06)

((/)) QUA TRÌNH PHỤC VỤ TRONG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

- Ngày 12-6-1959 : Tốt nghiệp Sĩ quan Thủ đốc khóa 7 .
- Từ 1959-1961 : Chuẩn úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 34 Pháo binh 155 ly đầu tiên của Quân đội Pháo chuyên giao cho Quân đội VNCH.
- Từ 1961-1963 : Chuẩn úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 9 súng cối 106 ly Tân lập đầu tiên đóng tại Qui nhơn.
- Từ 1963-1965 : Thiếu úy, phục vụ tại Tiểu đoàn 35 pháo binh 155 ly đóng tại Biên hòa.
- Từ 1965-1971 : Trung úy và Đại úy, phục vụ tại trường pháo binh QLVNCH, KBC : 4883 Dục mỹ.
- Từ 1971-1973 : Đại úy, Chỉ huy trưởng pháo binh 105 ly tại Tiểu khu Ninh thuận, KBC : 7488.
- Từ 1973-1975 : Đại úy , Trưởng ban 3 (ban hành quân) thuộc Tiểu đoàn 103 pháo binh cơ động 175 ly tại Pleiku (KBC : 6183).
- Từ 14-1-1975 đến 29-8-1977 : Bị Việt cộng bắt làm Tù binh trong trận phục kích tại Pleiku.

// HÀNH TÍCH TRONG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

A. HUY CHƯƠNG :

- 02 Anh dũng bội tinh ngôi sao Vàng.
- 01 Anh dũng bội tinh ngôi sao bạc.
- 03 Anh dũng bội tinh ngôi sao đồng.
- 01 Chiến dịch bội tinh
- 01 Quân vụ bội tinh
- 01 Huấn vụ bội tinh
- 01 Quân phong bội tinh
- 01 Danh dự bội tinh
- 02 Bằng Tưởng lực cấp quân đoàn
- 01 Bằng Tưởng lực cấp Sư đoàn
- 01 Giấy khen cấp Quân đoàn
- 01 Giấy khen cấp Sư đoàn
- 03 Giấy khen cấp Lữ đoàn và Trung đoàn

B. BẰNG CẤP :

- Bằng Tốt nghiệp Sĩ quan bộ binh và bằng căn bản Sĩ quan pháo binh.
- Bằng Tốt nghiệp Pháo đội trưởng.
- Bằng Tốt nghiệp Pháo binh cao cấp.

ĐẠI ÚY NGUYỄN LIÊN ĐO

(H06)

Số 134/QĐPT

Ngày 30 tháng 7 năm 1977

Chủ nhiệm chính trị Quân khu 5

Thi hành chỉ thị số 239/CTTU ngày 29-9-1976 và chính sách 12 điểm của Chính phủ cách mạng lâm thời đối với tất cả những người trong quân đội, chính quyền và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ được công bố ngày 25-5-1976.

Căn cứ quá trình tiếp thu cải tạo tiến bộ của tù binh tại trại cải tạo.

Xét đề nghị của Ban chỉ huy Tổng trại 5 và Phòng Quản lý Tù binh Cục Chính trị Quân khu 5

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 Nay phóng thích tù binh Nguyễn Văn Đỗ cấp bậc Tai úy cho về trình diện với chính quyền và tiếp tục cải tạo tại (chỗ ở theo giấy cam đoan) Mỹ Trạch, Ninh Hòa, Khánh Ninh, Phú Khánh

Điều 2 Khi về đến gia đình chậm nhất 48 giờ sau phải trình diện với chính quyền.

Điều 3 Khi về được cấp phát tiền tàu xe, tiền ăn về đến chỗ ở.

Điều 4 Ban chỉ huy Tổng trại 5 và Phòng Quản lý Tù binh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

Chứng nhận đã trình diện

Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu 5

Ngày 30 tháng 8 năm 1977

Chữ ký và đóng dấu địa phương ký và đóng dấu



Nhà xã N. Hòa

Nguyễn Văn Đỗ



Chứng tá ĐINH VĂN THÀNH

Tù binh được phép giữ luôn quyết định này, được dùng để đi đường cho đến ngày trình diện với chính quyền địa phương cam đoan về. Sau đó cần đi đầu phải xin giấy phép chính quyền địa phương.

Kết thúc ngày 27 tháng 08 năm 1978



CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA
BAN CHỈ HUY PHÂN GIÁN
Số: 866/PA.27

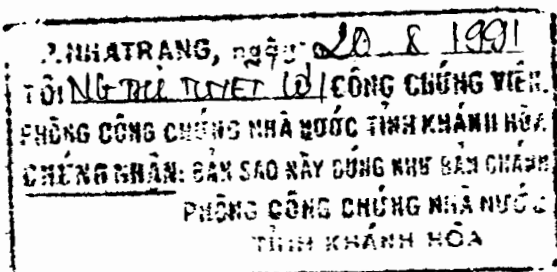
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
—o—

/)/ha trang, ngày 20 tháng 8 năm 1991

G I Á Y X Á C N H Â N

Căn cứ vào hồ sơ gốc lưu trữ tại PA.27 công an Tỉnh Khánh Hòa quản lý đối tượng :

Họ và tên : NGUYỄN LIÊN ĐU
Sinh ngày : 19 - 10 - 1938
Sinh quán : Mỹ Trạch, Ninh Hà, Ninh Hòa, Khánh Hòa.
Trú quán : Mỹ Trạch, Ninh Hà, Ninh Hòa, Khánh Hòa.
Tên cha : Nguyễn Dương (c)
Tên mẹ : Lê thị Lợi (c)
Tên vợ : Trần thị Minh
Cấp bậc trong chế độ cũ : Đại úy pháo binh.
Số quân : 88/101.368
Chức vụ trong chế độ cũ : Trưởng ban 3
Đơn vị : Tiểu đoàn pháo binh cơ động 175 ly KBC 683.(6183)
Đã bị bắt đưa đi học tập cải tạo thời gian từ ngày 14 - 01 - 1975
đến ngày 29 - 08 - 1977
tại trại cải tạo Tổng trại 5 và được tha về địa phương ngày 29/8/1977
đến nay.



TRƯỞNG PHÒNG PA.27.

Nguyễn Thị Liên Lưu



CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Liên Lưu

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ XNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--

Số: 499/XC

Lính gửi: Ông Nguyễn Liên Đô

Hiện ở: 135 đường Hà Thành, F. Vạn Thắng, Nha Trang, Khánh Hòa

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 09 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước lý.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 08 hộ chiếu cho gia đình, số:

8133	/ 90ĐC1	8141	/ 90ĐC1	(Quý Kem Theo)
8135		8143		
8137		8145		
8139		8147		

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H06 chuyển bộ Ngoại giao để chuyển Cảnh phủ lý bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với Cảnh phủ lý.

Xin thông báo để ông yên tâm.

1/-à Nội, ngày 16 tháng 3 /1990
TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Phương

Ghi chú: Hiện nay phía Mỹ đang phỏng vấn danh sách... H03

ARMY AND AIR FORCE EXCHANGE SERVICE

PERSONNEL REQUEST

Branch or Activity ANNEX #09 (1020-09) Date Submitted 8 April 1968
 Name of Employee (If applicable) MINH, Tran Thi Desired Effective Date 30 Mar '68

SECTION I - EXPLANATION OF ACTION

1. Specify nature of action desired. (Refer to paragraph 35, AR 60-21/AR 147-15 for proper terms to be used)

Resignation.

2. Include any additional information necessary for processing this personnel request.

Voluntary Resignation.

(Continue on back if additional space is required)

SECTION II - POSITION INFORMATION

From	To
Position : Code	Position : Code
Title & Code : <u>Cashier Checker</u>	Title & Code :
Grade Step & Base Rate : <u>VGS-3/1 38.1</u>	Grade Step & Base Rate :
Activity & Location : <u>ANNEX #09 (1020-09)</u>	Activity & Location :
Is access to confidential or secret information involved? Yes ☐ No ☐	Name of last incumbent : of position

SECTION III - AUTHORIZATION DATA

Initiated by : <u>Chung</u>	Approved by : <u>Albert L. Grounds</u>	Final Approval By : <u>Arthur A. Paulus, LTC., QMC</u>
Signature : <u>Chung</u>	Signature : <u>Albert L. Grounds</u>	Signature : <u>Arthur A. Paulus</u>
Date : <u>11/1/68</u>	Date : <u>11/1/68</u>	Date : <u>11/1/68</u>
Store Manager	Personnel Manager	Area Exchange Commander
Title :	Title :	Title :

SECTION IV - PROCESSING INFORMATION
 (For use by Personnel Office only)

GENERAL DATA		SEPARATION DATA	
Gr. Ins.	Yes ☐ No ☐	Last Day of Duty	
Dep. Cov.	Yes ☐ No ☐	Separation Pay	Yes ☐ No ☐
Date of Coverage		Pay in lieu of Notice	Yes ☐ No ☐
Ret. Certificate No		No. of Hours	Yes ☐ No ☐
Ret. Option	<u>1</u>		

Rec'd by: _____ Date _____ Processed by: _____ Date _____ Approved: _____
 Date _____ Nature of Final Action Taken _____

PERSONNEL REQUEST

INSTRUCTIONS

1. The Personnel Request is designed for local use by the exchange and does not go forward to the Service Center. This form will be used by supervisors to inform the personnel manager regarding all desired actions effecting their employees. The personnel manager in turn, upon receipt of the Personnel Request and after obtaining necessary concurrences and/or approvals will take steps to accomplish the desired action. In some cases, this will require the completion of a Personnel Action, Form XP-25 and its dispatch to the Service Center, in other cases this will merely require the initiation of some internal action at the exchange without reporting it to the Service Center.

2. The supervisor initiating the Personnel Request will indicate the desired action in Section I of the form. Where additional information is required to substantiate or explain the action, it will also be included in this section.

3. Section IV will be used only by the personnel office for necessary processing and for completion of a Personnel Action, Form XP-25, when indicated. Upon completion of action the Personnel Request will be filed in the employee's 201 file.

SECTION I (CONTINUED)

TO BE COMPLETED BY EMPLOYEE

Resignation (Important Note to employee: Give specific reasons for your resignation. Avoid generalized reasons, such as "ill health", "personal reason").

I resign for the following reasons:

(Date resignation is written)

The effective date of my resignation will be


SIGNATURE

ARMY AND AIR FORCE EXCHANGE SERVICE PERSONNEL ACTION

N-88-3049

TYPE: ☐ APPOINTMENT

☐ REINSTATEMENT

☐ REHIRE

☐ INTER-EXCHANGE TRANSFER

☐ PROMOTION

☐ DEMOTION

☐ EMPLOYEE CATEGORY CHANGE

☒ SEPARATION

EMPLOYEE NUMBER: 647

SOCIAL SECURITY NUMBER

EXCHANGE NAME: Retail / 6656

BRANCH NO. 1020-09

I.D.# 255649

EMPLOYEE NAME: MINH TRAN THI

LAST FIRST MIDDLE

FORMER LAST NAME

EMP

ADDRESS: Trai Gia Dinh Binh Si Duc My

Nhatrang

Vietnam

NUMBER STREET CITY STATE ZIP CODE

SERVICE CENTER USE

LEAVE ACCRUAL DATE

BIRTH DATE

MO. 03 DAY 12 YEAR 40

MARITAL STATUS/SEX

1 SINGLE MALE

2 SINGLE FEMALE

3 MARRIED MALE

4 MARRIED FEMALE

CITIZEN STATUS

1 VN NATIVE

2 ALIEN

3 NATURALIZED

PREVIOUS SERVICE

RETIRED MILITARY

N/A YES 2 NO

VETERAN

N/A YES 2 NO

MILITARY DEPENDENT

N/A YES 2 NO

EMPLOYEE CATEGORY

1 RFT

2 RFT EMP

3 TFT

4 RPT

5 TPT MIL

6 TPT CIV

7 COMM

EXEMPT. (W-4)

FED N/A

STATE

STATE CODE

GROUP INS.

1 N/A YES

2 NO

3 CANCEL

DEP COV.

1 N/A YES

2 NO

3 CANCEL

DATE ELIGIBLE RETIREMENT PLAN

MO. DAY YEAR

OR

RETIREMENT CERT. NO.

N/A

PAY DIFFERENTIAL %

WAGE PLAN

1 X HPP

2 ASP

3 USP

4 COMM

SCHEDULED WORK WEEK HRS.

48

WAGE PLAN	WAGE SCHED.	POSITION TITLE	JOB CODE	GRADE	STEP	BASE HRLY. RATE	BIWEEKLY RATE	BASE ANNUAL RATE	INSURANCE	
FROM									CLASS	DEDUCTION
VCS		CASHIER CHECKER		3	1	\$ 38.10				\$

REASON: PROMOTION

VOL. FLUCTUATION

(AV. MO. SALES VOL.)

(\$)

DEMOTION (NONPREJUDICIAL)

STEP INCREASE (MAND/DISC)

DATE OF HIRE OR OF LAST EQUIV. TO STEP INCREASE

DEMOTION (PREJUDICIAL)

WAGE ADJUSTMENT

OTHER-CODE & SPECIFY

TRANSFER: FROM

TO

EFFECTIVE DATE

MO. March DAY 30 YEAR 1968

SEPARATIONS:

1 BETTER PAYING POSITION

2 MOVING TO ANOTHER AREA

3 HEALTH REASONS/MATERNITY

4 DISSATISFIED WITH WORKING CONDITIONS (SPECIFY)

5 RETIREMENT

6 DEATH

7 DISCHARGE FOR CAUSE (SPECIFY)

8 REDUCTION IN FORCE

9 X OTHER (SPECIFY) Voluntary Resignation

REMARKS

Voluntary Resignation

EMPLOYEE'S 997

ATTACHMENTS: W-4 FORM (S) : FED. STATE

APPLICATION FOR S. S. NO.

FIDELITY BOND APPLICATION

SAVINGS BOND APPLICATION

GROUP INSURANCE APPLICATION

WAIVER

EVIDENCE (BIRTHDATE) (28-1-GAC)

PAYROLL DEDUCTION AUTH. (3-10GAC)

OTHER (SPECIFY)

EXCHANGE USE

ST L. GROUNDS SSC. E6

PERSONNEL MANAGER

DATE

ARTHUR A. PAULUS LTC. CMC

EXCHANGE OFFICER

DATE

(FOR USP APPROVALS ONLY)

09 April 68

INSTALLATION COMMANDER

DATE

(FOR USP APPROVALS ONLY)

09 April 68

MAJOR COMMANDER

DATE

SERVICE CENTER USE

PERSONNEL

DATE

INSURANCE

DATE

PAYROLL

DATE

DATA PROCESSING

DATE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº 8133/90 ĐC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LIÊN ĐO
Nom et prénoms

Ngày sinh 1938
Date de naissance

Nơi sinh Khánh Hòa
Lieu de naissance

Chỗ ở Khánh Hòa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

TOUS PAYS

và hết hạn ngày 05.3.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 05 tháng 3 năm 1990

Fait à

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



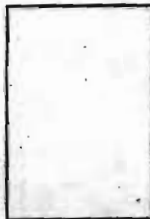
Hoàng Liêm

-4-

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1. Nguyễn Liên Phương	1979
2. /	
3. /	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 8133 - XC

Cấp cho Ông Nguyễn Liêm Thảo

Công với một trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quê cũ ở Tân Sơn Nhất

Trước ngày 05.9.1990

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phòng



Huỳnh Liêm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
№ 872/90 DV

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TRẦN THỊ MINH
Nom et prénoms

Ngày sinh 1940
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Nam Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở Khanh Hoa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

MM

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 05. 3. 1995.....

IL expire Le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 05 tháng 3 năm 1990.....

Fait à

le CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Phạm Văn Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 8137-XC

Cấp cho Bà Trần Thị Minh

Công vụ / trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 05.9.1990

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liêm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số

Nº

0139/90 DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LIÊN VĨNG
Nom et prénoms

Ngày sinh 1963
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Nam Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở Khánh Hòa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUT PAYS

và hết hạn ngày 05. 3. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 05 tháng 3 năm 1990

Fait à

le

QUỐC QUÂN LỰC VIỆT NAM

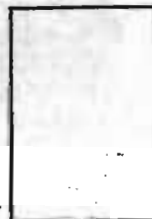


Hoàng Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 8829 - XC

Cấp cho anh Nguyễn Liên Viễn

Cùng với trở em

Đến nước HỢP CHƯỞNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Thời hạn 05.9.1990

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
· Passeport

Số

Nº

8888/90 DC₁

Họ tên NGUYỄN LIÊN THANH
Nom et prénoms

Ngày sinh 1972
Date de naissance

Nơi sinh Thuận Hải
Lieu de naissance

Chỗ ở Khánh Hòa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

A handwritten signature in dark ink, appearing to be a stylized representation of the name 'LIÊN THANH'.

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 05.03.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 05 tháng 03 năm 19 90

Phải ở CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Phạm Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS 8141 - XC

Cấp cho anh Nguyễn Văn Thành

Công với 1 trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HỮA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sở Nhất

Trước ngày 25.9.1990

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số

Nº

8143/90 HC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN LIÊN VIỆT
Nom et prénoms

Ngày sinh 1975
Date de naissance

Nơi sinh Khánh Hòa
Lieu de naissance

Chỗ ở Khánh Hòa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Việt

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 15. 3. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1990

Fait à

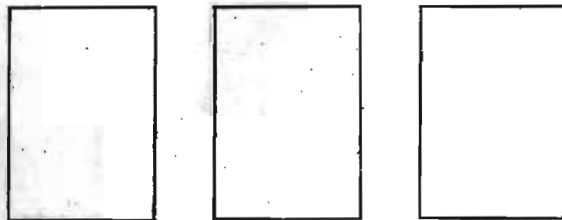


Hương Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 8143-XC

Cấp cho anh Nguyễn Liên Việt

Công việc — tại — em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HÒA KỲ

Cơ sở ở nước Tân Sơn nhất

Thời hạn 05-09-1990

Đã làm, ngày 05 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số

Nº

8135/90 DC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên PHAM THI THƠM
Nom et prénoms

Ngày sinh 1910
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Nam Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở Khánh Hòa
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC LƯỚI

A TOUTES PAGES

và hết hạn ngày 05. 3. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 05 tháng 3 năm 1990

Fait à

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Phạm Liêm

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

--	--	--

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 8135-XC

Cấp cho Đã phạm Thị Thôn

Công dân / trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HÒA VIỆT

Quốc gia đến Tân Sơn Nhất

Thời hạn 05-9-1990

Hà Nội, ngày 05 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên

FROM : NGUYỄN LIÊN ĐỒ
IV : 117503
VN List: HO.6
Add : Thôn Mỹ Trạch ,
Xã Ninh hà
Ninh hòa, Khánh hòa
Việt Nam

AR

57000KIATRANG
R 495

TO: Mrs. KHUÊ MINH THO
Families of Vietnamese
Political Prisoners Association
P.O Box 5435
Arlington VA. 22205 -- 0635

USA

OCT 0 1991

